

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2014/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 26 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức đạt chuẩn nông thôn mới đối với từng khu vực
trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2013 - 2020.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới; số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 06/TTr-SNN-PC ngày 20/01/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định mức đạt chuẩn nông thôn mới đối với từng khu vực trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2013 - 2020.

Quy định này là căn cứ để xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện và hướng dẫn, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2013 - 2020 và để kiểm tra, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiêu chí và công nhận xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan hướng dẫn và triển khai thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện Quy định mức đạt chuẩn nông thôn mới đối với từng khu vực trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2013 - 2020 nếu có phát sinh vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với Bộ tiêu chí theo quy định của Trung ương, điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh và theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hùng

**QUY ĐỊNH MỨC ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI ĐỐI VỚI
TỪNG KHU VỰC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2013 - 2020**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 25/3/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. XÃ NÔNG THÔN MỚI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đối với các xã thuộc các huyện: Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, Đăk Glei, Sa Thầy, Kon Rẫy và thành phố Kon Tum	Chỉ tiêu đối với các xã thuộc huyện: Tu Mơ Rông và Kon Plông
I. QUY HOẠCH				
1	Quy hoạch và thực hiện theo quy hoạch	Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ.	Đạt	Đạt
		Quy hoạch phát triển hạ tầng - kinh tế - môi trường theo chuẩn mới.		
		Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp.		
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI				
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải.	100%	100%
		2.2. Tỷ lệ km đường thôn, xóm được cứng hoá đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải.	≥ 70%	≥ 70%
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	100% (50% cứng hóa)	100% (50% cứng hóa)
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện.	≥ 70%	≥ 70%
3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.	Đạt	Đạt
		3.2. Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa.	≥ 45%	≥ 45%
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn.	98%	98%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đối với các xã thuộc các huyện: Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, Đăk Glei, Sa Thầy, Kon Rẫy và thành phố Kon Tum	Chỉ tiêu đối với các xã thuộc huyện các huyện: Tu Mơ Rông và Kon Plông	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia.	> 70%	> 70%	
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL.	Đạt	Đạt	
		6.2. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL.	100%	100%	
7	Chợ Nông thôn	Chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định.	Đạt	Đạt	
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.	Đạt	Đạt	
		8.2. Có Internet đến thôn.	Đạt	Đạt	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát.	Không còn	Không còn	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng.	> 75%	> 75%	
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (<i>triệu đồng/người/năm</i>)	Năm 2012	16	13
			Đến năm 2015	23	18
			Đến năm 2020	40	35
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	≤ 7%	≤ 7%	
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động.	> 90%	> 90%	
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.	Có	Có	
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	> 70%	> 70%	
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo.	> 20%	> 20%	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đối với các xã thuộc các huyện: Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, Đăk Glei, Sa Thầy, Kon Rẫy và thành phố Kon Tum	Chỉ tiêu đối với các xã thuộc huyện các huyện: Tu Mơ Rông và Kon Plông
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	> 70%	> 70%
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia.	Đạt	Đạt
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo Quy định của Bộ VH-TT-DL.	Đạt	Đạt
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia.	> 85%	> 85%
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường.	Đạt	Đạt
		17.3. Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt	Đạt
		17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo Quy hoạch.	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định.	Đạt	Đạt
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn.	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.	Đạt	Đạt
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.	Đạt	Đạt
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững.	Đạt	Đạt

B. HUYỆN NÔNG THÔN MỚI: Có 75% số xã trong huyện đạt xã nông thôn mới

C. TỈNH NÔNG THÔN MỚI: Có 80% số huyện trong tỉnh đạt huyện nông thôn mới